

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST

Ngày: 06-9-2018

V/v tranh chấp hợp đồng

dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXX - ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số 110, khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1962 và Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1996; cùng địa chỉ cư trú: Số 02/11, khu phố 3, thị trấn D1, huyện D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: Số 02/11, khu phố 3, thị trấn D1, huyện D, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Nhật Q (văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 6 năm 2018). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2018; bản tự khai; biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Đ) có ý kiến:

Ngày 22/02/2017, bà Nguyễn Thị Thúy V và bà Nguyễn Nhật Q (con bà V) có vay của bà Đ số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích để giúp bà V làm vốn

mua bán tạp hóa. Vì chỗ quen biết nên bà đồng ý cho vay. Hai bên có viết giấy tay; giấy tay do bà V tự viết. Có bà V, bà Q ký ghi họ tên. Cho vay không có tính lãi suất do bà V là bạn của mẹ chồng bà Đ. Hẹn đến ngày 22 tháng 02 năm 2018, bà V trả lại số tiền trên. Bà V chỉ trả nợ cho bà Đ được 02 lần: lần 6.000.000 đồng và lần 3.500.000 đồng. Đến ngày 22 tháng 02 năm 2018 bà V, bà Q không trả hết nợ như thỏa thuận. Bà Đ nhiều lần đến nhà đòi nợ nhưng bà V, bà Q chỉ hẹn mà không trả. Bà Đ khởi kiện yêu cầu bà V, bà Q trả nợ. Nay bà Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Bà Đ kiện yêu cầu bà V, bà Q trả lại 90.500.000 đồng.

Chứng cứ mà bà Đ cung cấp: 01 giấy mượn tiền ngày 22 tháng 02 năm 2017 (bản photo); 02 giấy trả góp không chữ ký (bản photo).

Quá trình làm việc; bản tự khai; biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn, đại diện bị đơn (bà V) có ý kiến:

Bà V thừa nhận bà V, bà Q có vay của bà Đ 100.000.000 đồng như giấy nợ ngày 22 tháng 02 năm 2017 mà bà Đ cung cấp. Bà V và bà Q (con của bà V) vay để kinh doanh mua bán hàng tạp hóa nhưng bị thua lỗ. Bà đã trả cho bà Đ tổng cộng 95.500.000 đồng. Bà V và bà Q chỉ còn nợ bà Đ 4.500.000 đồng. Việc trả nợ bà V có ghi sổ tay (sổ tay do bà V tự ghi và bà V tự giữ sổ) góp được 191 ngày với số tiền mỗi ngày là 500.000 đồng là 95.500.000 đồng. Nay bà V, bà Q chỉ chấp nhận trả lại cho bà Đ 4.500.000 đồng.

Chứng cứ là sổ ghi chép do bà V ghi có bà Đ ký nhận 3.500.000 đồng và 6.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D (ông T) có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà Đ, bị đơn bà V; đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Q là bà V.

Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Quan điểm xử lý vụ án: Có căn cứ xác định bà V, bà Q vay tiền của bà Đ vào ngày 22 tháng 02 năm 2017. Không có căn cứ xác định bà V, bà Q đã trả cho bà Đ số tiền 95.500.000 đồng. Chứng cứ sổ ghi chép việc trả nợ do tự bà V ghi đã trả nợ cho bà Đ là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Bà Đ kiện bà V, bà Q đòi lại số tiền 100.000.000 đồng mà bà đã cho vay (mặc dù ghi mượn, nhưng vẫn là tiền vay). Vụ kiện thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Trong khi hòa giải và tại phiên tòa, bà Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể khi khởi kiện, bà Đ kiện bà V, bà Q để đòi lại tiền nợ vay là 100.000.000 đồng. Nay, bà Đ chỉ kiện đòi 90.500.000 đồng. Việc bà Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định Điều 244 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Đ cho bà V, bà Q vay tiền 100.000.000 đồng vào ngày 22 tháng 02 năm 2017 là đúng sự thật (do hai bên đều thừa nhận). Như vậy các đương sự đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hai bên thỏa thuận đến ngày 22 tháng 02 năm 2018, bà V, bà Q sẽ hoàn trả nợ. Đến hạn trả nợ mà bà V, bà Q chỉ trả được 9.500.000 đồng. Như vậy, bà V, bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà V cung cấp giấy biên nhận do bà Đ ký nhận 6.000.000 đồng và 3.500.000 đồng. Bà Đ thừa nhận và bà Đ đã trừ vào nợ. Bà Đ đã rút lại phần yêu cầu khởi kiện này. Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với số tiền 9.500.000 đồng.

Bà V cung cấp sổ tay ghi chép: Nội dung bà V tự ghi là bà đã trả góp cho bà Đ 191 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng. Bà V tự giữ sổ. Bà V cho rằng bà Đ cũng có 01 sổ như bà V. Bà Đ không thừa nhận có sổ ghi chép tiền góp như bà V trình bày. Bà V không có chứng cứ để chứng minh bà và bà Q đã trả hết nợ cho bà Đ. Hội đồng xét xử buộc bà V, bà Q liên đới trả nợ 90.500.000 đồng cho bà Đ.

[4] Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 235, 243, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị Thúy V và bà Nguyễn Nhật Q.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy V, bà Nguyễn Nhật Q liên đới trả cho bà Trương Thị Đ số tiền 90.500.000 đồng (chín mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trương Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Thúy V, bà Nguyễn Nhật Q không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà V, bà Q còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm ngàn đồng) mà bà Đ rút yêu cầu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thúy V và bà Nguyễn Nhật Q liên đới chịu 4.525.000 đồng (bốn triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Trương Thị Đ 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011823 ngày 15/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (06/9/2018).

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn